TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 92/2023/HS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thân Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, cán bộ hưu

và bà Trần Thị Thủy, chủ tịch HLHPN huyện.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: Ông Phùng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị N**, sinh năm 1987, Tên gọi khác: Không có; giới tính: Nữ; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông Trần Văn Bình (đã chết) và con bà Trần Thị Sáu (đã chết); Bị cáo chưa có chồng, con.

- Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Tẩn Thị S, sinh ngày 12/6/2005

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tẩn Seo Đồng, sinh năm 1975, là bố đẻ chị Tẩn Thị Siếm. Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang, đều vắng mặt.

2. Chị Lù Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ DP H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Hồ Thị C, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ DP số 3, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ DP số 3, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng**:

Anh Lương Tuấn A, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Số 335, đường G, phường D, tp B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị N và chị Nguyễn Thị Kim Anh, sinh năm 1992 là chủ nhà trọ "Kim Anh" ở tổ dân phố số 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang có quan hệ quen biết nhau. Do chị Kim Anh đi làm ăn xa, không ở nhà nên khoảng giữa tháng 5/2023, chị Kim Anh có nhờ bị cáo N về quản lý, trông coi nhà trọ hộ mình; Kim Anh không trả lương mà cho N hưởng toàn bộ doanh thu của nhà trọ, N đồng ý. Sau khi về quản lý, N nảy sinh ý định thực hiện hành vi chứa mái dâm tại nhà trọ nhằm thu lợi bất chính. Để thực hiện ý định này, N đã cho 01 gái bán dâm đến ở nhà trọ là Tẩn Thị Siếm, sinh ngày 12/6/2005 (có ĐKHKTT tại: thôn Na Quang, xã Bát Đại Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang). N và Siếm thỏa thuận mỗi lượt Siếm bán dâm N sẽ thu của khách 400.000 đồng. Bán dâm xong mỗi người chia nhau 200.000 đồng.

Khoảng 22 giờ ngày 03/6/2023, Lương Tuấn Anh sinh năm 1982 ở số nhà 335, đường Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang lái xe ôm chở Hoàng Văn Quỳnh, sinh năm 1980 ở tổ dân phố Hoành Sơn, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang và 01 đối tượng khai tên Nguyễn Văn Giám, sinh năm 1985 ở thôn Bãi Cả Đồng Kim, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang đến nhà trọ "Kim Anh", mục đích tìm gái mua bán dâm. Cả ba người vào tầng 1 nhà trọ. Tuấn Anh không mua dâm nên ngồi đợi ở giường, còn Quỳnh và Giám đến gặp N đặt vấn đề mua bán dâm thì N đồng ý. Do nhà trọ chỉ có một gái bán dâm là Siếm nên N khai: Đã dùng tài khoản Zalo "N Hoàng", đăng ký số điện thoại 0569.038.825 gọi cho tài khoản Zalo "Hoa Xương Rồng" đăng ký số điện thoại 0353.028.630 của Hồ Thị Chung, sinh năm

1971 ở tổ dân phố 3, thị trấn Kép là chủ quán café "Hoàng Gia" gần đó rồi bảo chị Chung cho 01 nhân viên nữ sang nhà trọ "Kim Anh" bán dâm thì Chung đồng ý. Sau đó, Giám hỏi N về giá bán dâm của Siếm thì N báo là 400.000 đồng. Giám đồng ý và đưa cho N 500.000 đồng, N trả lại Giám 100.000 đồng. Trước khi lên phòng, Giám đưa cho Quỳnh 500.000 đồng để trả tiền mua dâm rồi Giám và Siếm đi lên phòng 202 thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau. Khoảng 02 phút sau, Lù Thị Hơn, sinh năm 1988, trú tại: bản Cọ, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên là nhân viên quán Chung đến. Hơn và N thỏa thuận sẽ thu của khách 300.000 đồng, bán dâm xong N đưa cho Hơn 200.000 đồng, còn 100.000 đồng trả tiền phòng, Hơn đồng ý. Sau đó, N báo lại giá bán dâm của Hơn cho Quỳnh thì Quỳnh đồng ý và đưa cho N 500.000 đồng của Giám vừa đưa. N trả lại Quỳnh 200.000 đồng, rồi Quỳnh và Hơn đi lên phòng 204 thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Đến khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày, khi các khách mua dâm và gái bán dâm đang quan hệ tình dục với nhau thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm trật tự xã hội Công an huyện Lạng Giang phối hợp với Công an thị trấn Kép bắt quả tang và thu giữ vật chứng và tài sản gồm:

- Tại phòng 202, người bán dâm Tẩn Thị Siếm, người mua dâm Nguyễn Văn Giám, thu giữ: 01 bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom" tại giường ngủ *(là dụng cụ mua bán dâm)*; 01 điện thoại Oppo, màu xanh, số Imei 869540051050354 của Siếm; số tiền 460.000 đồng và 01 mảnh giấy bên trên có chữ "ĐB 70" của Giám.

- Tại phòng 204, người bám dâm Lù Thị Hơn, người mua dâm Hoàng Văn Quỳnh. Thu giữ 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom" và 01 bao cao su đã sử dụng tại giường ngủ *(là dụng cụ mua bán dâm)*; 01 điện thoại di động Oppo màu đen, số Imei 860541057356430 của Hơn; số tiền 200.000 đồng của Quỳnh.

- Thu giữ trên người Trần Thị N: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi, số Imei 864028062664327/00 (*dùng liên lạc gọi gái bán dâm*); số tiền 1.000.000 đồng *(trong đó có 700.000 đồng là tiền mua bán dâm, còn lại 300.000 đồng là tài sản cá nhân của N)* (BL: 14 - 17; 19 - 20).

Ngày 04/6/2023, chị Nguyễn Thị Kim Anh giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đầu thu Camera an ninh màu đen, nhãn hiệu HIKVISION lắp tại nhà trọ "Kim Anh", Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra xác định đầu thu Camera không lưu trữ dự liệu gì (BL: 107; 111).

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra dữ liệu chiếc điện thoại Realme, màu đen có số Imei: 862794051695018 của chị Hồ Thị Chung, kết quả: Nick zalo có tên "N Hoàng" là của chị Trần Thị N. Sau khi liên lạc với chị N qua zalo thì chị Chung đã xoá lịch sử liên lạc và không còn lưu giữ thông tin gì (BL: 98 -103).

Ngày 27/6/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra dữ liệu chiếc điện thoại Redmi, màu đen, có số Imei: 864028062664327/00 của Trần Thị N, kết quả: Kiểm tra tại nhật ký cuộc gọi trong nick Zalo có cuộc gọi giữa nick "N Hoàng" và nick "Hoa Xương Rồng" vào thời điểm 22 giờ 12 phút ngày 03/6/2023 với thời lượng 00 phút 22 giây, N xác nhận đây là N gọi cho chị Chung để mượn nhân viên. (BL: 92 - 96)

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 14/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị N về tội " Chứa mại dâm" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan.

Tại phiên tòa, chị Kim Anh khai đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng các tài liệu có trong hồ sơ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã khai rõ những liên quan và sự việc mà họ chứng kiến khi cơ quan điều tra bắt quả tang bị cáo Trần Thị N có hành vi chứa mại dâm tại nhà do mình có trách nhiệm quản lý.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội "Chứa mại dâm", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 04/6/2023. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom"; 01 bao cao su đã sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom" chưa sử dụng; 01 mảnh giấy bên trên có chữ "ĐB-70".

+ Đề nghị trả lại cho bị cáo N 300.000 đồng là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

+ Đề nghị tịch thu sung vào công quỹ nhà nước gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi, số Imei 864028062664327/00 (*dùng liên lạc gọi gái bán dâm*) và số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo N *(là tiền do bị cáo thu của 2 người*

mua dâm); số tiền 200.000 đồng thu giữ của anh Quỳnh; số tiền 460.000 đồng thu của đối tượng tự khai tên là Giám.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, sau phần xét hỏi và tranh luận, bị cáo nhất trí với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và không có ý kiến gì tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang. Bị cáo nhận thức hành vi của mình đã thực hiện là sai trái, là vi phạm pháp luật. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang¸ điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên HĐXX căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh và khung hình phạt áp dụng: Trước cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nó phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03/6/2023, phù hợp với các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, đã thể hiện:

Khoảng 22 giờ ngày 03/6/2023 tại nhà trọ "Kim Anh" ở tổ dân phố số 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, Trần Thị N là người quản lý của nhà trọ đã có hành vi chứa mại dâm cho 02 người là Tẩn Thị Siếm, sinh ngày 12/6/2005 (ở thôn Nà Quang, xã Bát Đại Sơn, huyện Quảng Bá, tỉnh Hà Giang) và Lù Thị Hơn sinh năm 1988 (ở bản Ten, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện

Biên) bán dâm cho 02 khách mua dâm là Hoàng Văn Quỳnh, sinh năm 1981 (ở tổ dân phố Hoành Sơn, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang) và đối tượng khai tên Nguyễn Văn Giám (sinh năm 1985 ở thôn Bãi Cả Đồng Kim, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang) nhằm mục đích thu lợi bất chính. Đối với Tẩn Thị Siếm khi bán dâm là người chưa đủ 18 tuổi.

Điểm đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự, quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

đ) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi".

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị N phạm tội "Chứa mại dâm"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án thấy: Vụ án này có 01 bị cáo phạm tội với cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm lĩnh vực quản lý hành chính, trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và sức khỏe của con người, gây ảnh hưởng không tốt đến trật tự gia đình và xã hội và cũng là nguyên nhân làm phát sinh, làm lây lan của một số căn bệnh xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Không có.

- Về tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt. HĐXX thấy cần phạt bị cáo mức hình phạt như mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đề nghị đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ.

[5] Về việc tiếp tục tạm giam bị cáo: Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam, để đảm bảo cho việc thi hành án, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày là phù hợp với Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung đối với bị cáo: Đối với tội phạm do bị cáo thực hiện, lẽ ra cần phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[7] Đối với các đối tượng khác, HĐXX thấy:

Đối với Nguyễn Thị Kim Anh là chủ nhà trọ "Kim Anh" nhưng Kim Anh đã giao toàn quyền quản lý nhà trọ cho N, không thu tiền gì từ N và không biết việc N dùng nhà trọ thực hiện hành vi chứa mại dâm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với khách mua dâm Hoàng Văn Quỳnh; các gái bán dâm Lù Thị Hơn và Tần Thị Siếm, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Quỳnh, Hơn và Siếm.

Đối với khách mua dâm tự khai tên Nguyễn Văn Giám thực hiện hành vi mua dâm, quan hệ tình dục với Tẩn Thị Siếm, sinh ngày 12/6/2005 là người dưới 18 tuổi. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra đã lợi dụng sơ hở bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh theo họ tên, tuổi, địa chỉ và nhân thân như Giám đã khai nhưng không xác định được đối tượng này. Ngày 29/8/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi của đối tượng Giám để tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau (BL: 195).

Đối với Hồ Thị Chung, quá trình điều tra Chung thừa nhận N có gọi điện bảo Chung cho 01 nhân viên sang nhà trọ nhưng là để giúp việc dọn dẹp phòng, không phải bán dâm. Việc Hơn và N thoả thuận mua bán dâm Chung không được biết. Ngoài ra, Lù Thị Hơn cũng xác nhận Chung bảo Hơn sang nhà trọ "Kim Anh" giúp việc. Khi sang đến nơi thì N bảo Hơn bán dâm với khách, do không có tiền chi tiêu nên Hơn đồng ý, Chung không biết việc Hơn bán dâm. Ngày 15/6/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho N và Chung đối chất nhưng cả hai đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của N thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh Chung bảo Hơn sang nhà trọ "Kim Anh" bán dâm nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Chung.

Đối với Lương Tuấn Anh không thực hiện hành vi mua bán dâm nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[8] Về vật chứng: Đối với một số vật chứng bị thu giữ đã được xử lý trả lại chủ sở hữu đúng quy định nên HĐXX không phải giải quyết. Số vật chứng còn lại được chuyển theo hồ sơ vụ án gồm: 01 điện thoại Redmi, màu đen của N; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom"; 01 bao cao su đã sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom" chưa sử dụng; 01 mảnh giấy bên trên có chữ "ĐB-70"; số tiền 1.000.000 đồng của N; 200.000 đồng của Quỳnh và 460.000 đồng của đối tượng Giám, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom", 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom" chưa sử dụng, được sử dụng để mua bán dâm; 01 mảnh giấy bên trên có chữ "ĐB-70" thu giữ của đối tượng tên Giám không có giá trị, nên đều bị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 300.000 đồng (trong số 1.000.000 đồng bị thu giữ của bị cáo), đây là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chiếc điện thoại của bị cáo dùng liên lạc để gọi gái bán dâm; số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo, đây là khoản tiền do thu lợi bất hợp pháp; số tiền 200.000 đồng thu giữ của Quỳnh nhưng anh Quỳnh từ chối không nhận lại và 460.000 đồng của đối tượng tự khai tên Giám, nhưng Cơ quan điều tra không xác định được địa chỉ và tên thực của đối tượng, nên chiếc điện thoại và cả 03 khoản tiền này đều được sung vào công quỹ nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Với những nhận định trên đây, HĐXX thấy những ý kiến đề nghị của Đại diện VKSND huyện tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; các Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 329, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị N 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội *"Chứa mại dâm"*; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 04/6/2023. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom", 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao cao su nhãn hiệu "Vipcondom" chưa sử dụng, được sử dụng để mua bán dâm; 01 mảnh giấy bên trên có chữ "ĐB-70" đựng trong túi niêm phong có ký hiệu PS3.1924114 có đóng dấu của Công an thị trấn Kép;

- Trả lại bị cáo 300.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Redmi, màu đen, có số Imei: 864028062664327/00 và số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo N, số tiền 200.000 đồng thu giữ của Quỳnh và 460.000 đồng thu giữ của đối tượng tự khai tên Giám. Các khoản tiền được đựng trong phong bì có đóng dấu của Công an thị trấn Kép.

(*Đặc điểm vật chứng của vụ án theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang*).

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm iết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, Sở TP tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, Công an huyện Lạng Giang;
- Chi Cục THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Hồng Giang